

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm D, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày:

Chị Th và anh Phạm D tự nguyện về chung sống với nhau năm 2005 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến hai vợ chồng thương xuyên cãi nhau, anh D đánh đập vợ. Đến năm 2018 thì hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Chị Th thấy mâu thuẫn của hai vợ chồng đã kéo dài, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của hai vợ chồng không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Th và anh D có 02 người con chung là Phạm Đại D1– sinh năm 2006 và Phạm Thành V, sinh năm 2012. Tại đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Tại văn bản đề ngày 23/6/2020, chị Th thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung, chị Th đồng ý để anh Duy được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị Th yêu cầu để tự các bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th khai hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2020, bị đơn anh Phạm D trình bày:

Anh D và chị Th chung sống từ năm 2006 đến năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay do cả hai không có chung quan điểm dẫn đến hai vợ chồng không gắn kết được với nhau. Chị Th yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Đại D1– sinh năm 2006 và Phạm Thành V, sinh năm 2012. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Chị Th và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Mâu thuẫn của các bên đã trầm trọng, chị Th yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý. Đề nghị ghi nhận thuận tình ly hôn của các bên. Giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm D cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về

ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh D, chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh D, chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bị đơn tại bản tự khai ngày 23/6/2020 thấy rằng: anh D và chị Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2006. Năm 2018, do cả hai bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, diễn ra thời gian dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th yêu cầu ly hôn và anh D đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Về con chung: Chị Th và anh D đều thừa nhận có 02 người con chung là Phạm Đại D1– sinh năm 2006 và Phạm Thành V, sinh năm 2012. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, chị Th đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Chị Th và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Chị Th và anh D đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Th.

Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Phạm D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 08/5/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Phạm Đại D1– sinh năm 2006 và Phạm Thành V, sinh năm 2012 cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001769 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải